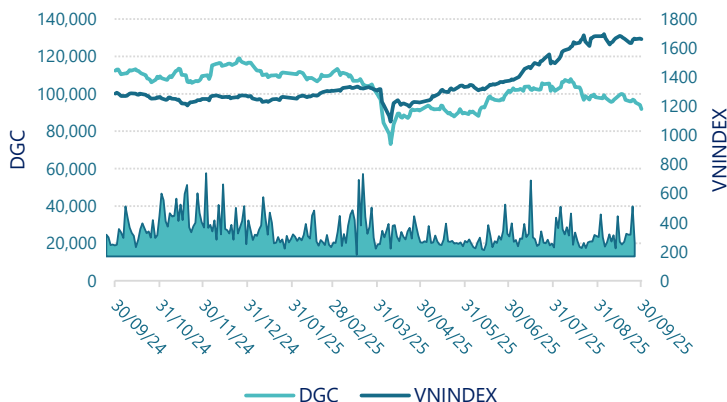




CTCP Tập đoàn Hóa chất Đức Giang (HSX: DGC)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	91,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	119,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	73,100
SL cổ phiếu LH	379,778,413
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,911,105
% sở hữu nước ngoài	11.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	34,864
P/E	11.1
EPS	8,301

DT thuần

Q3/25

2,817

tỷ VNĐ

QoQ: ▼77.0| -2.7%

YoY: ▲ 259| 10.1%

LN sau thuế

Q3/25

804

tỷ VNĐ

QoQ: ▼87.0| -9.7%

YoY: ▲ 66.0| 9.0%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

32.4%

+/- YoY: ▲ 1.0%

DT thuần

9T 2025

8,521

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 1,074| 14.4%

LN sau thuế

9T 2025

2,532

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 210| 9.0%

ROE

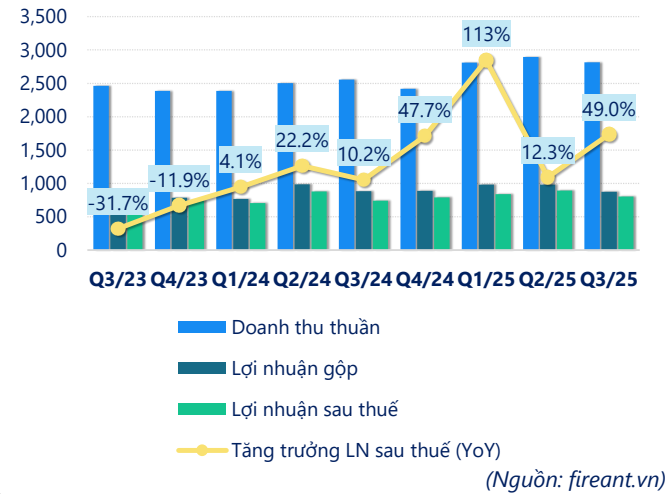
Q3/25

20.9%

+/- YoY: ▼ 1.3%

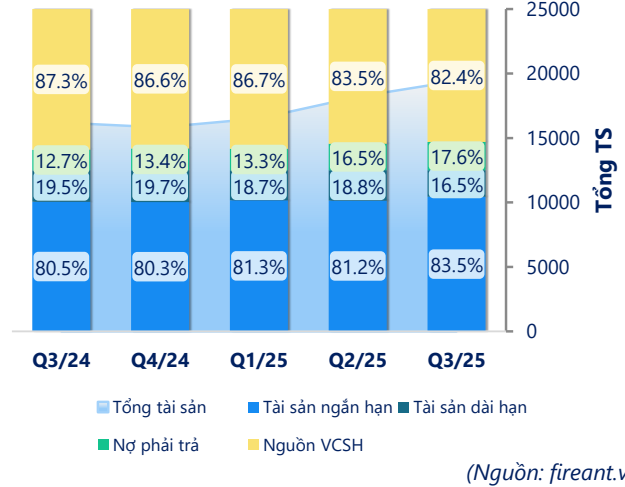
tỷ VNĐ

Kết quả kinh doanh

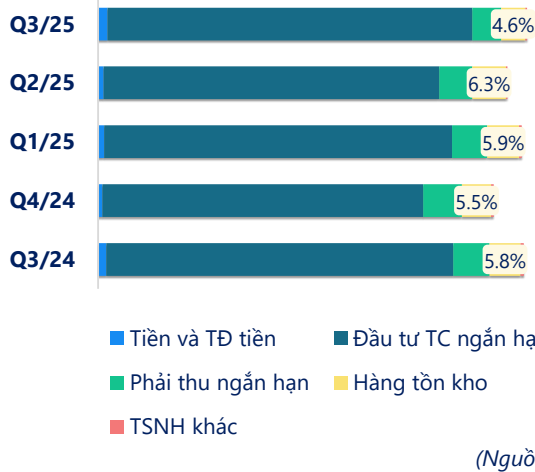


Cơ cấu Tổng tài sản

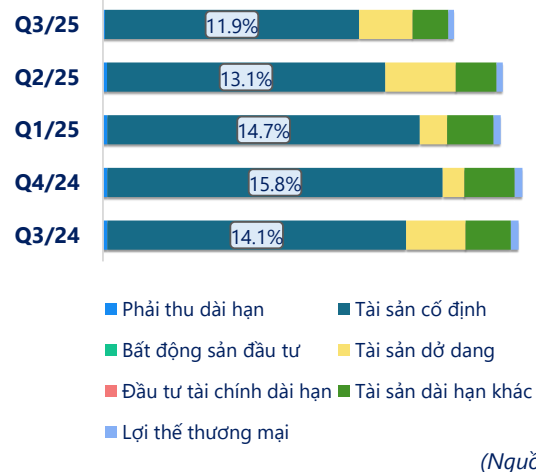
tỷ VNĐ



Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

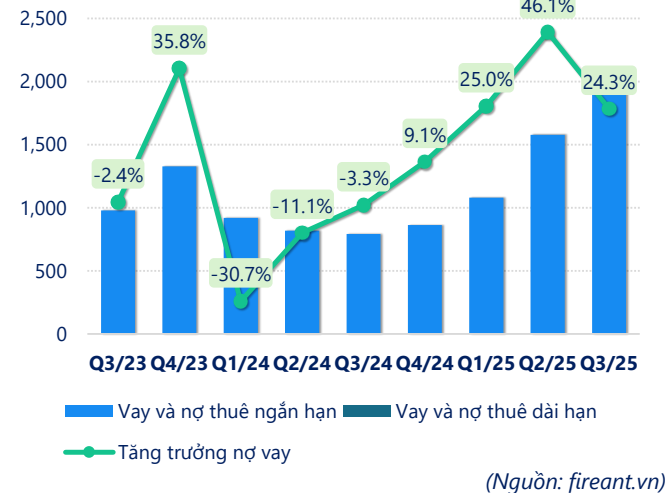


Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



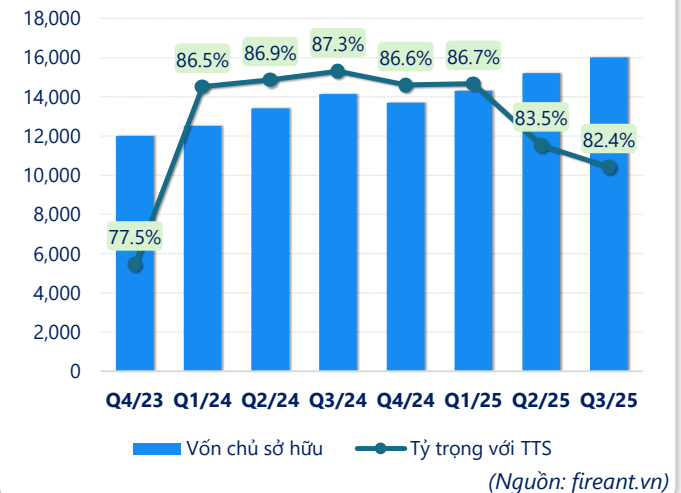
tỷ VNĐ

Nợ vay

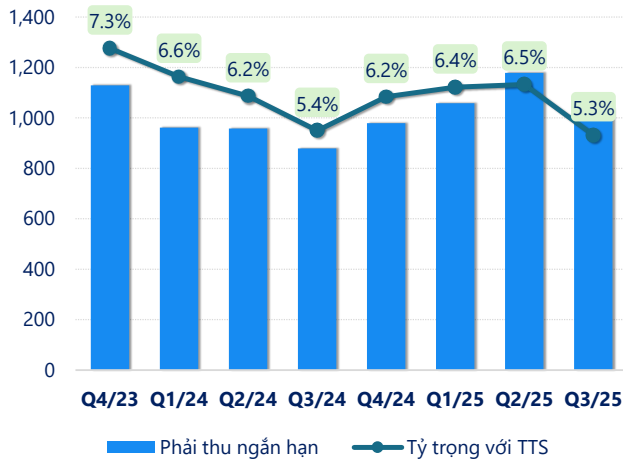


tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu

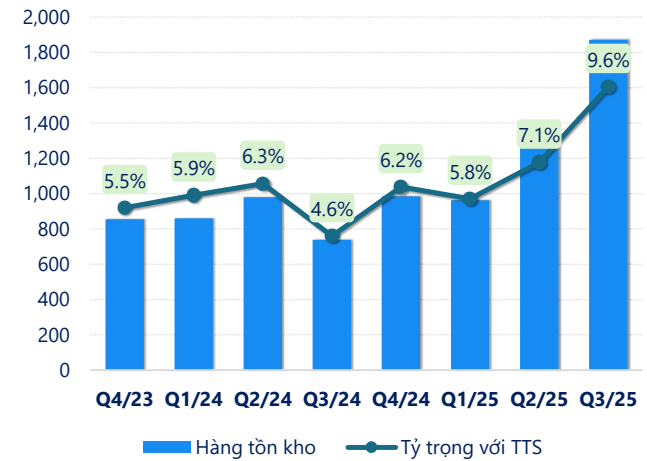


tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


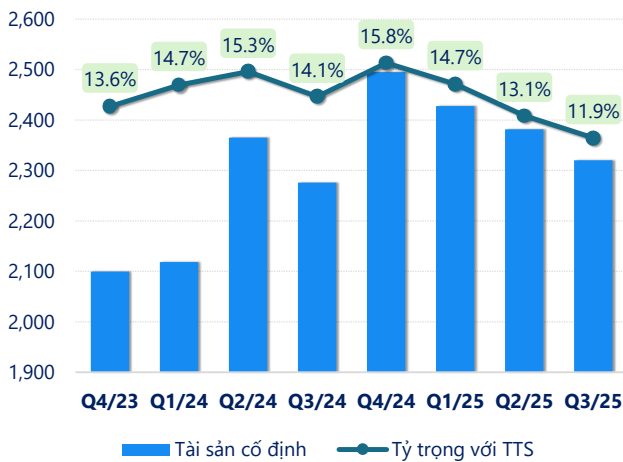
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


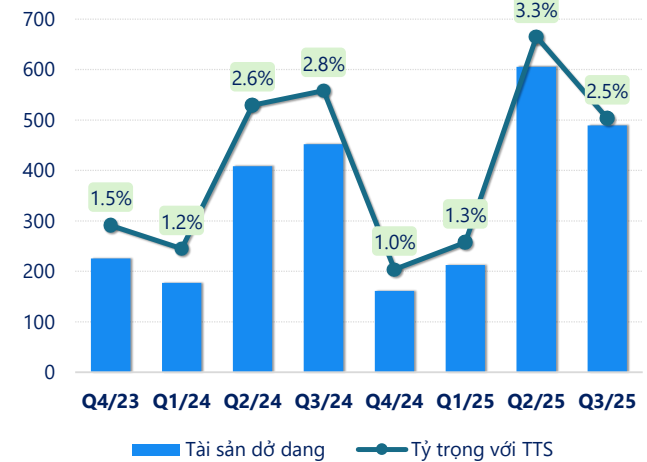
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

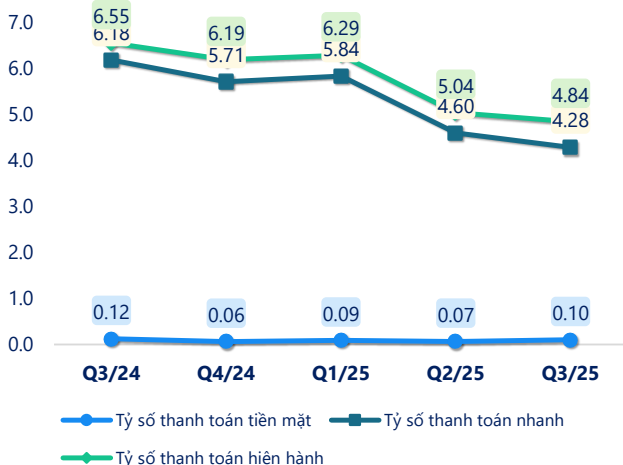
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

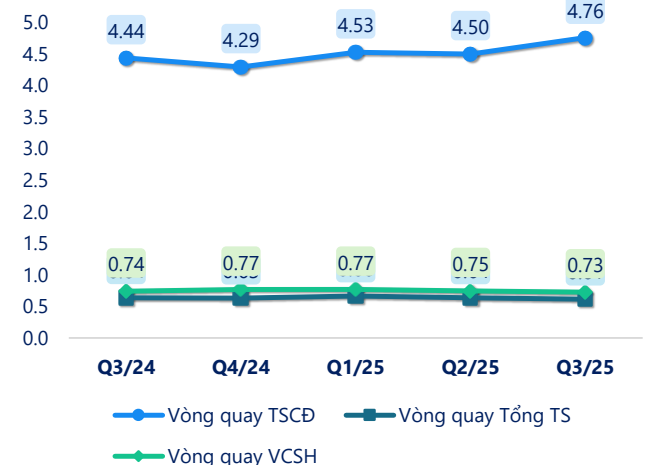
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	16,197	15,820	16,516	18,205	19,424
Tài sản ngắn hạn	13,031	12,700	13,428	14,783	16,217
Tiền và tương đương tiền	248	130	190	191	339
Đầu tư tài chính ngắn hạn	11,118	10,556	11,098	11,988	12,762
Phải thu ngắn hạn	879	980	1,058	1,179	1,034
Hàng tồn kho	738	985	963	1,285	1,871
Tài sản ngắn hạn khác	47.8	49.6	119	141	212
Tài sản dài hạn	3,166	3,120	3,088	3,422	3,207
Phải thu dài hạn	32.5	32.5	33.8	33.8	17.5
Tài sản cố định	2,276	2,495	2,427	2,382	2,320
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	452	161	213	605	489
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	346	374	358	347	328
Lợi thế thương mại	59.1	57.3	55.5	53.7	51.9
Nợ phải trả	2,056	2,119	2,202	2,998	3,413
Nợ ngắn hạn	1,988	2,052	2,135	2,933	3,349
Vay và nợ thuê ngắn hạn	792	864	1,080	1,577	1,960
Phải trả người bán ngắn hạn	222	313	190	429	368
Nợ dài hạn	67.9	67.1	66.1	65.2	64.6
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	14,141	13,701	14,315	15,207	16,011
Vốn chủ sở hữu	14,141	13,701	14,315	15,207	16,011
Vốn điều lệ	3,798	3,798	3,798	3,798	3,798
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)